| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đinh Thị Thanh Giang.
2. Bà Phạm Thị Em.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm canh khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 438/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Minh T,** sinh năm: 1976, địa chỉ: Số B, đường N, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Anh **Hồ Viết C,** sinh năm: 1976, địa chỉ: ấp A, xã A, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị T, anh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh C tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cãi vả. Cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Hồ Viết C. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

*Về con chung:* Có 01 con chung là Hồ Yến P, sinh ngày 30/8/2007, khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản tự khai 27/7/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/7/2023, biên bản làm việc ngày 15/8/2023, bị đơn anh Hồ Viết C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và và chị T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa anh và chị T có mâu thuẫn thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, nay T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là Hồ Yến P, sinh ngày 30/8/2007, khi ly hôn, anh đồng ý chị T yêu cầu nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý ly hôn nên đề nghị ghi nhận. Về hôn nhân, chị T và anh C thuận tình ly hôn. Chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xét đến. Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Yến P, sinh ngày 30/8/2007, khi ly hôn, chị T, anh C thống nhất chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị ghi nhận. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh C khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Phạm Thị Minh T và anh Hồ Viết C là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh C có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T, anh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/01/2008

nên hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Chị T và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh C đồng ý ly nên ghi nhận. Chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn, nên không xét đến.

[3] Về con chung: Chị T và anh C 01 con chung là Hồ Yến P, sinh ngày 30/8/2007. Khi ly hôn, chị T anh C thống nhất chị T nuôi cháu Hồ Yến P, anh C không cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận. Sự thỏa thuận của chị T và anh C phù hợp với nguyện vọng của cháu Hồ Yến P.

[4] Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh T và anh Hồ Viết C thuận tình ly hôn. Ghi nhận việc chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Hồ Yến P, sinh ngày 30/8/2007. Khi ly hôn, chị Phạm Thị Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Hồ Viết C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T, anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Phạm Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004008 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Lan**